

Số: 253/QĐ-CTHADS

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp và các đơn vị dự toán trực thuộc

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 226/QĐ-CTHADS ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi phí thi hành án dân sự năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 250/QĐ-CTHADS ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp và các đơn vị dự toán trực thuộc (theo biểu số 01, 02 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Thủ trưởng các Phòng chuyên môn thuộc Cục Thi hành án dân sự và các đơn vị dự toán trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục THADS (để b/c);
- Phó Cục trưởng (để biết);
- Lưu: VT, TCKT.^Q



CỤC TRƯỞNG

Vũ Quang Hiện

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018
của Bộ Tài chính

Đơn vị: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp

Chương: 014



**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 253/QĐ-CTHADS ngày 15/9/2022 của Cục THADS Đồng Tháp)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	0
1.1	Số thu được để lại	-11.386
	Số nộp về Tổng cục	-3.036
	Số để lại đơn vị	-8.350
1.2	Số phí nộp ngân sách	11.386
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi quản lý hành chính	-8.464
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	37.201
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0
c	Tiết kiệm để cải cách tiền lương	-45.665
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	273.700
1	Chi quản lý hành chính	224.500
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	70.170
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	154.330
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	49.200
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	49.200

GA

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp
Chương: 014



ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 253/QĐ-CTHADS ngày 15/9/2022 của Cục THADS tỉnh Đồng Tháp)
(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

Dvt: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó																
				Cục	TP Cao Lãnh	Tân Hồng	TP Hồng Ngự	Huyện Hồng Ngự	Tam Nông	Thanh Bình	Huyện Cao Lãnh	Tháp Mười	Châu Thành	Lai Vung	Lấp Vò	Sa Đéc				
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí																			
1	Số thu phí, lệ phí	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Số thu được để lại	-319.047	-319.047	-11.386	-30.384	-28.821	-18.550	-17.812	-31.878	-23.758	-26.000	-23.523	-21.839	-31.504	-32.141	-21.451				
	Số nộp về Tổng cục	-85.085	-85.085	-3.036	-8.103	-7.686	-4.947	-4.750	-8.502	-6.336	-6.934	-6.273	-5.824	-8.402	-8.571	-5.721				
	Số để lại đơn vị	-233.962	-233.962	-8.350	-22.281	-21.135	-13.603	-13.062	-23.376	-17.422	-19.066	-17.250	-16.015	-23.102	-23.570	-15.730				
2	Số phí nộp ngân sách	319.047	319.047	11.386	30.384	28.821	18.550	17.812	31.878	23.758	26.000	23.523	21.839	31.504	32.141	21.451				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại																			
2.1	Chi quản lý hành chính	-233.962	-233.962	-8.464	-22.909	-18.431	-14.829	-11.170	-23.057	-18.109	-19.580	-17.965	-16.939	-22.829	-23.215	-16.465				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.045.699	1.045.699	37.201	98.958	97.168	59.573	60.274	104.802	77.181	84.703	76.385	70.657	103.530	105.695	69.572				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
c	Tiết kiệm để cải cách tiền lương	-1.279.661	-1.279.661	-45.665	-121.867	-115.599	-74.402	-71.444	-127.859	-95.290	-104.283	-94.350	-87.596	-126.359	-128.910	-86.037				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.039.300	2.039.300	273.700	166.610	79.750	94.320	92.320	95.270	179.220	129.080	183.700	183.700	194.750	182.220	184.660				
1	Chi quản lý hành chính	1.990.100	1.990.100	224.500	166.610	79.750	94.320	92.320	95.270	179.220	129.080	183.700	183.700	194.750	182.220	184.660				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	403.980	403.980	70.170	14.040	18.150	33.200	31.200	33.830	17.460	26.350	31.780	31.780	33.150	30.460	32.410				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.586.120	1.586.120	154.330	152.570	61.600	61.120	61.120	61.440	161.760	102.730	151.920	151.920	161.600	151.760	152.250				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	49.200	49.200	49.200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	49.200	49.200	49.200																

Cg